TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 608/2024/QĐST–HNGĐ

Quận G, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 257/2024/HNST ngày 23 tháng 04 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Số F T, tổ D, khóm M, phường M, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ liên lạc: Số H đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh B, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Số A đường H, tổ A, Khu phố B, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 08 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 08 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Minh N và ông Nguyễn Anh B.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh N và ông Nguyễn Anh B thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125, do Ủy ban nhân dân phường T cấp ngày 30/12/2016 không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh N và ông Nguyễn Anh B có 02 con chung là trẻ Nguyễn Bảo Minh Q (nam), sinh ngày 03/06/2017 và trẻ Nguyễn Ngọc Ái N1 (nữ), sinh ngày 24/04/2022.

Bà Nguyễn Thị Minh N và ông Nguyễn Anh B thỏa thuận sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Bảo Minh Q (nam), sinh ngày 03/06/2017 và trẻ Nguyễn Ngọc Ái N1 (nữ), sinh ngày 24/04/2022; Ông Nguyễn Anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung 3.000.000 đồng/tháng/02 trẻ cho đến khi đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng vào ngày 20 (Tây) hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan thi hành án.

Ông Nguyễn Anh B được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh N tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0019098 ngày 23 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà Nguyễn Thị Minh N đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trương Như T